

Số: 4814/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018
huyện Nhơn Trạch

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 28/12/2017 của UBND huyện Nhơn Trạch, Tờ trình số 1920/TTr-STNMT ngày 28/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Nhơn Trạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Số lượng dự án, công trình thực hiện trong năm 2018

STT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nuôi trồng thủy sản	2	83,39
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1	71,03
3	Đất quốc phòng	3	38,20
4	Đất an ninh	3	16,00
5	Đất khu công nghiệp	2	220,00
6	Đất cụm công nghiệp	1	4,00
7	Đất thương mại, dịch vụ	16	760,38

STT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Tổng diện tích (ha)
8	Đất phát triển hạ tầng	85	1.223,53
	Trong đó:		
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	6	3,82
	- Đất cơ sở y tế	2	5,57
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	10	8,23
	- Đất giao thông	37	1.148,96
	- Đất thủy lợi	9	43,99
	- Đất công trình năng lượng	15	4,61
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	1	0,05
	- Đất chợ	4	8,29
	- Đất cơ sở khoa học	1	0,01
	- Đất công trình công cộng khác	-	-
9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	0,20
10	Đất ở tại nông thôn	70	3.681,18
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,56
12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	3	1,26
13	Đất cơ sở tôn giáo	5	2,06
14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	1	20,77
15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	1	20,00
16	Đất sinh hoạt cộng đồng	9	0,39
Tổng số		204	6.142,95

(Chi tiết các dự án, công trình được thể hiện trong Phụ lục; vị trí cụ thể các công trình được thể hiện trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Nhơn Trạch được UBND huyện ký xác nhận ngày 27 tháng 12 năm 2017)

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 của hộ gia đình, cá nhân

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở 13,14 ha, trong đó chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở 6,10 ha;

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất thương mại dịch vụ: 05 ha; Trong đó, chuyển từ đất trồng lúa sang đất sản xuất thương mại dịch vụ toàn huyện là 01 ha.

3. Số lượng dự án cần thu hồi đất năm 2018

STT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đất quốc phòng	3	38,20	38,20
2	Đất an ninh	3	16,00	16,00
3	Đất khu công nghiệp	2	220,00	106,00
4	Đất cụm công nghiệp	1	4,00	4,00
5	Đất phát triển hạ tầng	81	1.221,36	917,81
	<i>Trong đó:</i>			
	- Đất cơ sở văn hoá	6	3,32	3,32
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	10	8,23	8,23
	- Đất cơ sở y tế	2	5,57	5,57
	- Đất giao thông	37	1.148,96	845,41
	- Đất thủy lợi	9	43,99	43,99
	- Đất công trình năng lượng	13	3,19	3,19
	- Đất chợ	3	8,05	8,05
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	1	0,05	0,05
6	Đất bãi thải, xử lý chất thải	1	0,20	0,20
7	Đất ở tại nông thôn	66	2.937,60	2.203,09
8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1	0,56	0,56
9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2	1,06	1,06
10	Đất cơ sở tôn giáo	1	1,76	1,76
11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	1	20,77	7,07
12	Đất sinh hoạt cộng đồng	9	0,39	0,39
Tổng		171	4.461,90	3.296,14

4. Số lượng dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2018

STT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Trong đó sử dụng vào:		
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Đất quốc phòng	1	36,00	15,00	-	-
2	Đất thương mại dịch vụ	4	707,50	84,88	75,07	-
3	Đất phát triển hạ tầng	23	769,39	184,43	3,97	-
	<i>Trong đó:</i>					

STT	Mục đích sử dụng đất	Số lượng dự án	Diện tích dự án (ha)	Trong đó sử dụng vào:		
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
	- Đất cơ sở y tế	1	0,57	0,07	-	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	1	1,20	0,05	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	2	2,16	1,55	-	-
	- Đất giao thông	18	772,15	186,59	3,97	-
	- Đất công trình năng lượng	1	0,28	0,28	-	-
4	Đất ở tại nông thôn	22	1.319,86	529,71	-	-
5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,50	0,50	-	-
Tổng		51	2.840,22	818,63	79,04	-

5. Chỉ tiêu diện tích các loại đất năm 2018

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	22.395,51
1.1	Đất trồng lúa	3.633,28
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	3.260,75
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.436,86
1.3	Đất trồng cây lâu năm	5.670,76
1.4	Đất rừng phòng hộ	6.094,23
1.5	Đất rừng sản xuất	2.054,14
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	1.498,50
1.7	Đất nông nghiệp khác	7,75
2	Đất phi nông nghiệp	18.682,50
2.1	Đất quốc phòng	539,95
2.2	Đất an ninh	11,53
2.3	Đất khu công nghiệp	2.847,41
2.4	Đất cụm công nghiệp	93,99
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	718,14
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	126,39
2.7	Đất phát triển hạ tầng	3.013,79
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	7,55

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
	- Đất cơ sở y tế	17,00
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	151,47
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	32,29
	- Đất cơ sở khoa học và công nghệ	0,01
	- Đất giao thông	2.376,79
	- Đất thủy lợi	172,24
	- Đất công trình năng lượng	54,67
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,33
	- Đất chợ	16,89
	- Đất hạ tầng khác	182,55
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	9,76
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	2,94
2.10	Đất ở tại nông thôn	3.329,05
2.11	Đất ở tại đô thị	-
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,21
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	32,33
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	33,27
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	70,02
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	38,67
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	3,65
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	295,58
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,42
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	7.473,38
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	12,04

6. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	2.983,15
1.1	Đất trồng lúa	1.033,62
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	976,78
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	507,45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	808,11
1.4	Đất rừng phòng hộ	79,04

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1.5	Đất rừng sản xuất	304,70
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	250,24
2	Đất phi nông nghiệp	312,99
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	9,38
2.2	Đất phát triển hạ tầng	112,67
	<i>Trong đó:</i>	
	- Đất cơ sở y tế	0,06
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,67
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,84
	- Đất giao thông	110,22
	- Đất thủy lợi	0,87
	- Đất công trình năng lượng	0,02
2.3	Đất ở tại nông thôn	24,11
2.4	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	5,74
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	1,25
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	159,85

7. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018

STT	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	3.041,89
1.1	Đất trồng lúa	1.050,26
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	993,42
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	510,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	842,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	79,04
1.5	Đất rừng sản xuất	304,80
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	255,34
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	6,58
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	6,58
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	289,30

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, UBND huyện Nhơn Trạch thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất để cộng đồng thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

2. Thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân hiểu rõ các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích;

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai nhằm đảm bảo việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông và Vận tải; Công Thương; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Phòng cháy chữa cháy; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền Thông; Văn hóa Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch; Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhơn Trạch; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Hội đồng nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh



Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

HUYỆN NHƠN TRẠCH

Kèm theo Quyết định số 4814 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017
của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
	A. CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ KẾ HOẠCH 2017		
	1. Đất quốc phòng		
1	Chốt dân quân thường trực KCN	Hiệp Phước	2,00
2	Doanh trại Tiểu đoàn Vận tải thủy/Trung đoàn vận tải 657/Cục Hậu cần	Phước Khánh	36,00
	2. Đất an ninh		
3	Trụ sở phòng Cảnh sát PCCC trên sông	Phước Khánh	1,00
4	Trung tâm sát hạch lái xe (tổng cục Cảnh sát)	Phú Hội, Long Tân	5,00
	3. Đất khu công nghiệp		
5	Khu công nghiệp Ông Kèo	Phước Khánh	200,00
6	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 6	Long Thọ	20,00
	4. Đất cụm công nghiệp		
7	Cụm tiểu thủ Công nghiệp	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	4,00
	5. Đất thương mại dịch vụ		
8	Khu dịch vụ cảng (Tập đoàn Dầu khí)	Phước An	550,00
9	Khu dịch vụ cảng	Phước An	70,00
10	Điểm Du lịch sinh thái tại xã Đại Phước, Phú Hữu	Đại Phước, Phú Hữu	45,00
11	Trạm Kinh doanh xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.	Phú Thạnh	0,28
12	Khu trung tâm thương mại	Hiệp Phước, Long Thọ	50,91
13	Dự án xây dựng khu vui chơi giải trí kết hợp xây dựng hồ bơi	Hiệp Phước	0,08
14	Trụ sở HTX Sinh vật cảnh Long Thọ	Long Thọ	0,01
15	Trung tâm mua bán điện tử, xe gắn máy tại xã Long Thọ	Long Thọ	0,14
16	Trạm kinh doanh xăng dầu Long Tân	Long Tân	0,16
17	Văn phòng HTX TM-DV-VT Nhơn Trạch	Phước Thiện	0,05
18	Khu du lịch sinh thái (Thái Thành)	Phước Thiện, Long Tân	42,50
19	Cây xăng trên tuyến đường đê Ông Kèo thuộc xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	0,73
	6. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
20	Khu khai thác vật liệu xây dựng Vũng Gấm	Phước An	20,00

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
	7. Đất phát triển hạ tầng		
	7.1. Đất xây dựng cơ sở văn hóa		
21	Trung tâm văn hóa xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
22	Trung tâm Văn hoá thể thao	Vĩnh Thanh	0,88
23	Trung tâm văn hoá thể dục thể thao	Phước Khánh	0,38
24	Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao và học tập cộng đồng xã Phú Hữu	Phú Hữu	1,20
25	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Long Thọ	0,04
26	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	Phú Thạnh	0,32
	7.2. Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo		
27	Trường mẫu giáo xã Phú Hội	Phú Hội	1,00
28	Trường Mầm non Phú Đông	Phú Đông	1,00
29	Mở rộng Trường tiểu học Phước Khánh	Phước Khánh	0,10
30	Mở rộng Trường THCS Phước Khánh	Phước Khánh	0,04
31	Trường mầm non mẫu giáo Phú Thạnh	Phú Thạnh	0,72
32	Trường THCS Long Thọ 2	Long Thọ	1,09
33	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Long Thọ	1,07
34	Trường mầm non Long Thọ	Long Thọ	0,90
	7.3. Đất xây dựng cơ sở y tế		
35	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bất Tử Long làm chủ đầu tư	Đại Phước	0,57
	7.4. Đất giao thông		
36	Đường cao tốc liên vùng phía Nam (Long Thành - Bến Lức)	Vĩnh Thanh, Phước An, Phước Khánh	160,99
37	Cầu đường Quận 9 - Nhơn Trạch (đường vành đai 3 vùng KTTĐ phía nam)	Long Tân, Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	126,54
38	Đường 25C	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh Long Tân, Hiệp Phước, Phú Hội	102,70
39	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69
40	Nâng cấp mở rộng đường 25B (Tôn Đức Thắng)	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	87,60
41	Nâng cấp mở rộng đường 769	Long Tân, Phú Hội	30,95
42	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện (trong đó có đường số 6 GD 1 diện tích 1,48 ha tại Phú Hội)	Long Tân, Phú Hội	43,66
43	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Long Tân, Phú Hội	15,04
44	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Hiệp Phước	0,32
45	Đường vào trung tâm đo kiểm	Hiệp Phước	0,09

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
46	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	0,78
47	Xây dựng đường Đôn xã Long Tân	Long Tân	6,36
48	Nâng cấp mở rộng đường Giồng Ông Đông	Phú Đông	6,80
49	Đường Phú Tân Phú Đông	Phú Đông	11,88
50	Dự án Xây dựng cảng xăng dầu tại xã Phú Đông do Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn - Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư	Phú Đông	37,60
51	Đường liên cảng	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	149,80
52	Bãi đậu xe 3ha trong dự án Trồng cây xanh kết hợp bãi đậu xe 20 ha	Phú Hội	3,00
53	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Phú Hội	1,12
54	Đường vào KCN Ông Kèo	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44
55	Đường vào khu dân cư Sen Việt	Phú Hữu, Phú Đông	8,26
56	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Phú Hữu	33,72
57	Cảng xăng dầu Phú Hữu	Phú Hữu	35,47
58	Mở rộng bến phà Cát Lái	Phú Hữu	0,13
59	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu (Công ty Tín Nghĩa)	Phú Hữu	42,70
60	Đường từ KCN NT V đến HL 19 (Phước An)	Phước An	20,60
61	Bến xe khách (Công ty Hào Bàng)	Phước An	8,90
62	Đường từ 319 đến KDC Tài Tiến	Phước Thiện	6,30
63	Đường số 3 xã Phước Thiện (769 đến KCN Nhơn Trạch 1)	Phước Thiện	5,04
64	Đường từ nhà máy nước Formosa đến KCN NT I	Phước Thiện	2,28
65	Đường 319 (nâng cấp mở rộng và nối dài)	Phước Thiện	54,00
66	ICD kho số 5	Phú Thạnh	12,23
67	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03
68	Dự án xây dựng dịch vụ hàng hải khu vực Cảng biển Nhóm 5 Nhơn Trạch do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Thạch làm chủ đầu tư	Phước Khánh	25,42
69	Cảng tổng hợp (Công ty Phú Thành)	Phước Khánh	10,00
70	Dự án xây dựng đường dân sinh phục vụ xây dựng móng trụ 18 đường điện 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái tại xã Phước Khánh	Phước Khánh	0,03
	7.5. Đất thủy lợi		
71	Hệ thống thoát nước từ KCN Nhơn Trạch 1 đến rạch Bà Ký	Hiệp Phước	2,65
72	Hệ thống thoát nước dọc HL 19 từ ấp 1 đến ấp 3	Hiệp Phước	0,70
73	Hệ thống thoát nước từ HL 19 đến kênh Bà Ký (2 cống ấp 1 và ấp 2)	Hiệp Phước	0,28
74	Nạo vét kênh Bà Ký	Hiệp Phước	0,50

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
75	Hệ thống thoát nước khu vực cây xanh	Phú Hội, Long Tân, Phước An	24,20
76	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Phước An	6,50
77	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26
78	Nạo vét tạm kênh thoát nước cuối đường số 2	Vĩnh Thanh	3,50
	7.6. Đất công trình năng lượng		
79	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Vĩnh Thanh Phước An	0,10
80	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Long Tân, Phước Thiên, Phú Hội	0,03
81	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10
82	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Cát Lái	Phước Khánh, Vĩnh Thanh	0,18
83	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Nhơn Trạch - Nhà Bè	Phước Khánh	0,14
84	Dự án Bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Nhà Bè	Phước Khánh	0,10
85	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 220KV Phú Mỹ - Cát Lái	Phước Khánh	0,08
86	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 500KV Phú Mỹ- Nhà Bè	Phước Khánh	0,20
87	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Vĩnh Thanh	0,05
88	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22
89	Trạm biến áp 110KV KCN Ông Kèo và Đường dây đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
90	Trạm biến áp 220KV An Phước	Hiệp Phước	0,28
	7.7. Đất công trình bưu chính viễn thông		
91	Trạm giao dịch viễn thông Hiệp Phước	Hiệp Phước	0,05
	7.8. Đất chợ		
92	Chợ xã Long Tân	Long Tân	0,70
93	Chợ nổi tại xã Phước An	Phước An	4,30
94	Chợ Phước An (Công ty Tâm Kim Dung)	Phước An	0,24
95	Chợ và khu phố thương mại trong KDC Đại Lộc	Đại Phước	3,05
	8. Đất bãi thải, xử lý chất thải		
96	Bãi trung chuyển rác xã Long Tân	Long Tân	0,20
	9. Đất ở		
	a. Khu tái định cư		
97	Khu tái định cư Hiệp Phước 3	Hiệp Phước	12,78
98	Khu Tái định cư Long Tân	Long Tân	21,00

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
99	Khu dân cư phục vụ tái định cư (Hiện hữu và mở rộng)	Phú Hội	17,29
100	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	25,00
101	Khu tái định cư Phước An	Phước An	40,00
	b. Khu dân cư, Chung cư		
102	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Nhơn Thành)	Đại Phước	2,00
103	Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	Đại Phước	9,60
104	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Đại Phước	4,50
105	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Đại Phước	130,75
106	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (Công ty Thảo Điền)	Đại Phước, Phú Hữu	64,13
107	Khu Chợ và khu dân cư (Công ty Dân Xuân)	Hiệp Phước	18,33
108	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thăng Long Hiệp Phước)	Hiệp Phước	9,84
109	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty DIC)	Hiệp Phước	21,50
110	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Sánh Sinh Phúc)	Hiệp Phước	2,70
111	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Hoàng Anh An Hòa)	Hiệp Phước	4,75
112	KDC Long Tân (Công ty Lắp máy Điện nước)	Long Tân	62,36
113	Khu dân cư Long Tân (Công ty Ngũ Long Tân)	Long Tân	125,00
114	Khu dân cư Long Tân (1 Công ty Điền Phước)	Long Tân	95,00
115	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phương Đông)	Long Tân	35,00
116	Khu dân cư Cty Takwangvina mở rộng	Long Tân	0,30
117	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú làm chủ đầu tư	Long Tân	22,28
118	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Long Tân	9,50
119	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Khang Việt Hưng làm chủ đầu tư.	Long Tân	46,50
120	Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty SaCom)	Long Tân, Phú Hội	55,70
121	Khu dân cư thương mại (Công ty Đại Viễn Dương)	Long Tân, Phú Hội	9,90
122	Khu chung cư cao tầng	Long Tân, Phú Hội	1,00
123	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Long Tân, Phú Hội	9,99
124	Khu dân cư (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Hội	9,17
125	Khu dân cư Cty Vạn Phúc (mở rộng)	Phú Hội	0,14
126	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00
127	Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Phú Hội	4,00
128	Dự án xây dựng Khu dân cư tại xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhơn Trạch Nhơn Trạch làm chủ đầu tư	Phú Hội	8,00

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
129	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Phú Hội	34,04
130	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Tây Hồ)	Phú Hữu	199,00
131	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Phú Hữu Gia)	Phú Hữu	56,00
132	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty An Gia)	Phú Hữu	4,45
133	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng Long Đức	Phú Thạnh	8,16
134	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	90,00
135	Trung tâm HCVHTT kết hợp chợ, phố chợ (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh	48,18
136	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1) (Công ty Thảo Điền)	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00
137	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch)	Phú Thạnh, Long Tân, Vĩnh Thanh	753,00
138	Khu dân cư Phước An (Công ty lắp máy Điện nước)	Phước An	40,00
139	Khu dân cư Phước An (Công ty Bảo Giang)	Phước An	70,00
140	Khu dân cư Phước An (Công ty Đệ Tam)	Phước An	47,39
141	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	Phước An	43,20
142	Khu dân cư Phước An (Công ty HUD)	Phước An, Long Thọ	50,00
143	Khu dân cư (Công ty Tiến Lộc)	Long Thọ	18,50
144	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Phước Thiện	9,90
145	KDC Phước Thiện (Công ty Khang An)	Phước Thiện	35,90
146	Khu dân cư xã Phước Thiện (Công ty Hoàng Trạch)	Phước Thiện	12,00
147	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Tài Tiến)	Phước Thiện	39,15
148	Khu dân cư Phước Thiện (4) (Công ty Licogi và Hiệp Phước Khánh)	Phước Thiện	35,00
149	Khu dân cư Phước Thiện (Công ty Toàn Thành)	Phước Thiện	43,48
150	Khu dân cư xã Phước Thiện do Công ty TNHH Hương Nga làm chủ đầu tư	Phước Thiện	4,87
151	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn	Phước Thiện	16,18
152	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Vận tải Dầu khí Sông Đà)	Vĩnh Thanh	90,00
153	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Thái Dương SunCo)	Phú Đông	1,96
154	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty Song Kim)	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	103,00
155	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Phú Đông	3,29
	9. Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
156	Nhà kho lưu trữ chuyên dụng (Phòng nội vụ)	Phú Hội	0,56
	10. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp		
157	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Phú Hữu	0,56

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
158	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	Hiệp Phước	0,50
	11. Đất sinh hoạt cộng đồng		
159	Văn phòng ấp 1	Hiệp Phước	0,05
160	Văn phòng ấp 2	Hiệp Phước	0,05
161	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Phú Hội	0,04
162	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Chợ	Phước Thiện	0,03
163	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Phú Tân	Phú Đông	0,05
164	Nhà Văn hóa Hòa Bình xã Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	0,04
165	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Vĩnh Thanh	0,05
166	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Vĩnh Thanh	0,03
	12. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
167	Nghĩa trang Long Thọ	Long Thọ	20,77
	13. Đất cơ sở tôn giáo		
168	Chùa Long Hương (mở rộng)	Long Tân	1,76
169	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Vĩnh Thanh	0,02
170	Giáo xứ Nghĩa Yên	Vĩnh Thanh	0,04
	14. Các công trình đấu giá		
171	Khu dân cư theo quy hoạch	Phước An	64,00
	15. Đất sản xuất nông nghiệp		
172	Khu nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng rừng	Phước An	82,00
173	Vùng sản xuất rau an toàn (BQLDA Phát triển các mô hình nông lâm thủy sản huyện)	Phước An	71,03
	B. Các dự án bổ sung mới năm 2018		
	1. Đất quốc phòng		
1	Chốt dân quân thường trực KCN	Phước Khánh	0,20
	2. Đất an ninh		
2	Công trình ANTT ngã 3 sông Đồng Tranh	Phước An	10,00
	3. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp		
3	Đội thanh tra giao thông số 8	Phú Hội	0,20
	4. Đất thương mại dịch vụ		
4	Trạm xăng Phước Thiện (trên đường Trần Phú)_mã số 554	Phước Thiện	0,20
5	Trụ sở Quỹ tín dụng Vạn điểm	Phước Thiện	0,01
6	Trạm xăng dầu xã Đại Phước (DNTN Thanh Dinh)	Đại Phước	0,11
7	Trạm xăng dầu khu dịch vụ xã Long Thọ	Long Thọ	0,20
	5. Đất phát triển hạ tầng		
	5.1. Đất cơ sở giáo dục đào tạo		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
8	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Phú Thạnh	0,31
9	Trường THPT Phước Thiện	Phước Thiện	2,00
	5.2. Đất cơ sở y tế		
10	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế dự phòng huyện)	Phước An	5,00
	5.3. Đất giao thông		
11	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Long Tân	4,06
12	Nhà điều hành trạm thu phí đường 319 nối dài (Cường Thuận IDICO)	Phước Thiện	0,43
	5.4. Đất thủy lợi		
13	Bờ kè sông Vàm Mương- Lòng Tàu	Phước Khánh	1,40
	5.5. Đất công trình năng lượng		
14	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh, Phước An	0,40
15	Trạm biến áp 110kV khu công nghiệp Ông Kèo & đầu nối	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	1,30
16	Đường dây 110KV Long Thành - Nhơn Trạch	Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Tân	0,12
	5.6. Đất cơ sở khoa học		
17	9 Giếng quan trắc động thái nước dưới đất tại các xã thuộc huyện	Hiệp Phước, Phước Thiện, Phước An, Long Thọ, Phú Thạnh	0,01
	6. Đất sinh hoạt cộng đồng		
18	Nhà văn hóa ấp Vĩnh Tuy	Long Tân	0,05
	7. Đất ở nông thôn		
19	Khu tái định cư Phước Thiện	Phước Thiện	12,66
20	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Long Tân	88,41
21	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Long Tân	34,19
22	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Phước Thiện, Phú Hội	16,27
23	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Phước Thiện	8,20
24	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Phước Thiện	2,00
25	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Vĩnh Thanh	46,09
26	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Phước An	2,12
27	Khu đô thị du lịch sinh thái tại Long Tân -Phú Thạnh	Long Tân, Phú Thạnh	331,00
	8. Đất cơ sở tôn giáo		
28	Giáo xứ Mỹ Hội (khu nhà từ thiện)	Phú Hội	0,20
29	Họ đạo Cao đài Đại Phước	Phú Hữu	0,04

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã)	Diện tích kế hoạch (ha)
	9. Các công trình đấu giá		
30	Khu đất Lâm nghiệp Sài Gòn	Phước An, Long Thọ, Hiệp Phước, Long Tân	245,58
	10. Đất Nông nghiệp		
31	Khu NTTS Công ty Khai Sáng	Phú Đông	1,39
	C. Kế hoạch chuyển mục đích năm 2018		
1	Chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân chuyển tiếp từ năm 2017	Các xã	13,14
	Trong đó: từ đất lúa chuyển sang đất ở	Các xã	6,10
2	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân phù hợp quy hoạch	Các xã	5,00
	Trong đó: chuyển từ đất trồng lúa	Các xã	1,00